

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đức

Bà Trần Thị Phận

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Kim Hồ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: Không tham gia phiên tòa

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (có mặt)

ĐKHKTT: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: ấp Y, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Anh Trần Văn Bé B, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2024 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Vào năm 2006 chị và anh Trần Văn B1 Ba do quen biết nhau, và tự tìm hiểu với nhau, được gia đình đôi bên chấp thuận, có làm lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quới, huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân), tỉnh Vĩnh Long. Và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2006.

Sau đó vợ chồng chị sống tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chị có con chung là bé Trần Minh T, sinh ngày 23/11/2011 và bé Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 02/5/2006.

Do bất đồng ý kiến chung, nên vợ chồng cãi vã, chính vì vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, càng ngày càng trầm trọng, quan điểm sống không cùng nhau vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nữa. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn.

Chị khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với Trần Văn Bé B

-Về con chung: chị yêu cầu được nuôi hai con chung Trần Minh T, sinh ngày 23/11/2011 và bé Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 02/5/2006, chị không yêu cầu anh Trần Văn B1 Ba cấp dưỡng nuôi con

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2024 anh Trần Văn Bé B trình bày: qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị N về hôn nhân, về con chung, về tài sản là đúng. Anh yêu cầu đoàn tụ.

Cháu Trần Minh T và cháu Trần Thị Ngọc M trình bày: cháu là con của ba Trần Văn Bé B và mẹ Nguyễn Thị N, lúc trước thường xuyên cãi nhau, hiện nay cháu đang ở với ba, mẹ thì về ngoại. Cháu rất buồn khi ba mẹ như vậy. Nếu trường hợp ba mẹ cháu không ở với nhau được nữa mà phải ly hôn ở tòa án thì cháu xin ở với mẹ. Còn ba thì cháu vẫn muốn ở chung. Cháu muốn sống ở nhà cháu, còn mẹ thì ở gần cháu tới lui thăm mẹ rồi về nhà cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn Bé B với lý do chị và anh Bé B bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường

hay cự cãi, anh Bé B thường hay uống rượu say có lời nói xúc phạm chị, chị bỏ qua cho anh Bé B rất nhiều lần, nhưng chồng chị không thay đổi. Chị không chịu đựng được nữa nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Trần Văn Bé B.

Về con chung: hiện nay các con chị cũng đã lớn, hai con chung chị yêu cầu nuôi, chị cũng để cho hai con chung tự do đi lại giữa nhà mẹ chị và nhà của vợ chồng chị ở trước đây cách nhau khoảng 2km. Nên con chung của chị và anh Bé B muốn ở đâu cũng được. Chị vẫn lo cho hai con chị cho các cháu học hành, chị đi làm kiếm tiền lo cho con chị. Nên chị yêu cầu trên mặt pháp lý là giao con chung cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Bé B cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn Bé B trình bày: trước và tại phiên tòa anh vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, anh muốn đoàn tụ với vợ anh, anh không muốn ly hôn. Anh nhận anh có say sỉn, anh có những lời nói lúc sỉn anh không nhớ. Nhưng anh thật lòng muốn vợ anh cho anh cơ hội để sửa sai. Con chung thì theo ý con, các con đã lớn biết tự lo cho mình. Hiện nay các con của anh đang sống chung với anh. Anh cũng để cho các con anh tự do, do nhà anh và nhà mẹ vợ anh cũng gần. Các con anh có thể tới lui giữa hai nhà. Nên việc ghi nhận ai nuôi con sau khi ly hôn cũng được. Về quan hệ tài sản: vợ chồng anh có cổ đất của người em, nhưng hiện nay người em chưa trả tiền. Khi nào trả thì anh sẽ để cho con của anh quản lý để hai con anh có điều kiện học hành. Anh chỉ trình bày vấn đề này tại tòa để chị N biết ý anh, nhưng anh không yêu cầu tòa đặt ra giải quyết.

XÉT THÁY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị N về việc yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Bé B; về con chung 02 người con chung, về tài sản chung, nợ chung chị N1 xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết là tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao

nộp, Tòa án nhân dân huyện Bình Tân không phải tiến hành thu thập chứng cứ; các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn Bé B là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh chị ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay.

Xét cuộc sống gia đình giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn Bé B không hạnh phúc, anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị Nguyễn Thị N không còn mong muốn cùng anh Trần Văn Bé B xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Với những mâu thuẫn vợ chồng như chị đã trình bày tại phiên tòa nếu kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân sẽ càng thêm trầm trọng thêm sự ức chế hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc hôn nhân này không thể kéo dài.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Văn Bé B.

[3.2] Về con chung: Cháu Trần Minh T và cháu Trần Thị Ngọc M có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện tại cháu T và cháu M có cuộc sống ổn định. Việc chị N yêu cầu nuôi hai cháu T và cháu M là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh B chưa phải cấp dưỡng nuôi con

[3.3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: chị N phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 21 và Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Văn Bé B

2. Về con chung: Giao con chung Trần Minh T, sinh ngày 23/11/2011 và bé Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 02/5/2006. Cho chị N nuôi dưỡng, anh Trần Văn Bé B chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0013350 ngày 28/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, chị Nguyễn Thị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Bình Tân;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ánh Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Đức Trần Thị P

Nguyễn Ánh D

